

QUẢN LÝ NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Khái niệm Quản lý NKT

Là quy trình (1) xác định nhu cầu cần trợ giúp, (2) xác định các nguồn lực bên trong, bên ngoài cộng đồng và (3) thực hiện kế hoạch trợ giúp để trợ giúp NKT hoà nhập tại cơ sở GDNN

2. Quy trình quản lý NKT

Quy trình quản lý NKT gồm các bước sau đây:

1. Thu thập thông tin và nhu cầu;
2. Xác định các nguồn lực hỗ trợ
3. Xây dựng kế hoạch trợ giúp;
4. Thực hiện kế hoạch trợ giúp;
5. Theo dõi, rà soát việc thực hiện kế hoạch trợ giúp;

3. Nhiệm vụ của cán bộ giáo viên

3.1. Thu thập thông tin và nhu cầu của NKT (mẫu số 01)

- Thông tin về NKT
- Thông tin về khuyết tật
- Thông tin về gia đình NKT

3.2. Đánh giá nhu cầu của NKT (mẫu 02)

3.3. Xác định các nguồn lực hỗ trợ (mẫu 03)

Bao gồm

- Con người: là những người dân trong cộng đồng có những kiến thức, kỹ năng, sáng kiến, sức lao động của họ
- Tài chính: là tài chính của các cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong cộng đồng hoặc ngoài cộng đồng
- Mối quan hệ giữa con người: bao gồm các nhóm, tổ chức, thể chế và các mối quan hệ giữa các tổ chức và cá nhân, giữa cá nhân và cá nhân
- Chính sách: bao gồm các chính sách hỗ trợ liên quan đến NKT như luật NKT, luật giáo dục, học nghề, bảo hiểm y tế, tiếp cận thông tin...

3.4. Xây dựng kế hoạch trợ giúp người khuyết tật

Người quản lý chủ trì, phối hợp với người khuyết tật, gia đình hoặc người giám hộ của người khuyết tật và các tổ chức, cá nhân liên quan để xây dựng kế hoạch trợ giúp người khuyết tật. Nội dung kế hoạch trợ giúp người khuyết tật bao gồm:

- a) Mục tiêu cụ thể cần đạt được;
- b) Các hoạt động cụ thể cần thực hiện theo thứ tự ưu tiên để đạt được mục tiêu;
- c) Khung thời gian thực hiện cho từng hoạt động;
- d) Nguồn lực cần thiết để thực hiện các hoạt động được đề ra;
- đ) Trách nhiệm của tổ chức, gia đình và cá nhân tham gia và người chịu trách nhiệm cho từng nhiệm vụ;
- e) Các đơn vị cung cấp dịch vụ tham gia thực hiện kế hoạch.

Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật chi tiết theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo.

3.5. Thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật

Các nội dung hỗ trợ gồm:

- a) Tư vấn, giới thiệu người khuyết tật tiếp cận các cơ quan, đơn vị chức năng hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ y tế, việc làm, giáo dục, xã hội và cơ sở khác;
- b) Chuyển tuyến, kết nối với các cơ quan, đơn vị chức năng hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ y tế, việc làm, giáo dục, xã hội và cơ sở khác đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật;
- c) Hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, thụ hưởng các chính sách và chương trình trợ giúp xã hội;
- d) Vận động nguồn lực thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật.

Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật

- a) Người quản lý có trách nhiệm theo dõi, ghi chép tiến độ và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng và hàng năm;
- b) Người quản lý rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trợ giúp người khuyết tật cho phù hợp với nhu cầu của người khuyết tật;

3.6. Theo dõi, đánh giá

Người quản lý theo dõi và đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật cùng với người khuyết tật theo các nội dung sau đây:

- a) Kết quả thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật;
- b) Mức độ đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật;
- c) Khả năng sống độc lập và năng lực hòa nhập cộng đồng của người khuyết tật;
- d) Mức độ phù hợp của các dịch vụ được cung cấp cho người khuyết tật;
- đ) Khả năng kết nối dịch vụ;
- e) Các nội dung khác có liên quan.

MẪU SỐ 01

THẬP THÔNG TIN VÀ NHU CẦU CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn về quản lý trường hợp với người khuyết tật)

Họ và tên người khuyết tật:

Mã số người khuyết tật:

Thuộc nhóm người khuyết tật (Đánh dấu x vào ☐):

a) Trẻ em ☐ b) Người khuyết tật (16-60 tuổi) ☐ c) Người khuyết tật trên 60 tuổi ☐

Số hồ sơ quản lý người khuyết tật tại địa phương:	Số hồ sơ quản lý trường hợp:
Tên người cung cấp thông tin thay thế (nếu có):	Mối quan hệ với người khuyết tật:

I. Thông tin về người khuyết tật

Họ và tên: Ngày sinh: Giới tính:
--

Số chứng minh nhân dân:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
Địa chỉ liên lạc:		
Điện thoại liên lạc:	Email:	
Tình trạng hôn nhân:		
Trình độ học vấn: Trình độ chuyên môn:		
Trường học (nếu đang đi học):		
Nghề nghiệp (nếu đang có việc làm):		
Thu nhập của người khuyết tật:		
Các dịch vụ và chính sách người khuyết tật đang thụ hưởng:		
.....		
Nhu cầu hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên của người khuyết tật:		
.....		

II. Thông tin về khuyết tật

Dạng khuyết tật điển hình:
Mức độ khuyết tật (nếu đã được xác định):
Nguyên nhân khuyết tật: Bẩm sinh ☐ Tai nạn ☐ Bệnh ☐ Nguyên nhân khác ☐
Đặc điểm khuyết tật:
.....
Khả năng lao động:
Khả năng tự phục vụ trong sinh hoạt của người khuyết tật:
.....
Hiện trạng về thể chất và tinh thần, tình cảm của người khuyết tật:
.....

III. Thông tin về gia đình người khuyết tật

Họ và tên chủ hộ: Quan hệ với người khuyết tật:

Địa chỉ thường trú: Điện thoại:

Họ và tên người chăm sóc: Quan hệ với người khuyết tật:

Công việc chính của người chăm sóc:

Các thành viên trong gia đình (nêu cụ thể):

Vị trí của người khuyết tật trong gia đình: Sống phụ thuộc ☐ Sống độc lập ☐

1. Hoàn cảnh kinh tế gia đình: Nghèo ☐ Cận nghèo ☐ Không nghèo ☐

2. Nguồn thu nhập:

a) Lao động: Số lượng lao động chính:

b) Thu nhập theo việc làm: Tiền mặt Hiện vật:

c) Trợ cấp xã hội hàng tháng của nhà nước

d) Các chương trình trợ giúp xã hội khác:

3. Các khoản chi phí và khả năng chi trả từ gia đình:

a) Lương thực/thức ăn

☐ Thực hiện được

☐ Thực hiện được nhưng cần trợ giúp

☐ Không thực hiện được

☐ Không xác định được

b) Quần áo

☐ Thực hiện được

☐ Thực hiện được nhưng cần trợ giúp

☐ Không thực hiện được

☐ Không xác định được

c) Khám và chữa bệnh

☐ Thực hiện được

☐ Thực hiện được nhưng cần trợ giúp

☐ Không thực hiện được

☐ Không xác định được

d) Đóng học phí

☐ Thực hiện được

☐ Thực hiện được nhưng cần trợ giúp

☐ Không thực hiện được

☐ Không xác định được

đ) Các chi phí khác:

.....

4. Điều kiện chỗ ở:

a) Nhà thuê ☐ Nhà tạm ☐ Bán kiên cố ☐ Kiên cố (nhà cấp:) Xuống cấp ☐ Ổn định ☐

b) Thuận tiện trong sinh hoạt của người khuyết tật: Lối đi ☐ Nhà vệ sinh ☐ Nền nhà ☐

5. Khả năng chăm sóc nuôi dưỡng:

a. Sự quan tâm chăm sóc: Nhiều ☐ Ít ☐ Không có ☐

b. Môi trường chăm sóc: An toàn và sạch sẽ ☐ Có vấn đề ☐ Nguy cơ cao ☐

c. Năng lực chăm sóc (Có kiến thức và kỹ năng): Nhiều ☐ Ít ☐ Không có ☐

6. Nhu cầu cần hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên của người khuyết tật:

7. Thông tin khác (nếu có):

MẪU SỐ 02

ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn về quản lý trường hợp với người khuyết tật)

Họ và tên người khuyết tật:

Các nội dung cần đánh giá:

(Đối với mỗi trường hợp cụ thể, người quản lý căn cứ vào điều kiện thực tế để đánh giá nhu cầu của người khuyết tật trong các lĩnh vực phù hợp và đánh dấu nhân (X) vào các lĩnh vực được đánh giá tương ứng)

STT	Lĩnh vực đánh giá	
1	Hỗ trợ sinh kế	☐
2	Chăm sóc sức khỏe, y tế	☐
3	Giáo dục, học nghề, việc làm	☐
4	Mối quan hệ gia đình và xã hội	☐
5	Các kỹ năng sống	☐
6	Tham gia, hòa nhập cộng đồng	☐
7	Tâm lý, tình cảm	☐
8	Nhu cầu khác	☐

Ngày đánh giá: Ngày kết luận:

Người đánh giá: Chữ ký:

I. HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Hoàn cảnh kinh tế gia đình thuộc hộ: 1. Nghèo ☐ 2. Cận nghèo ☐ 3. Không nghèo ☐

1. Nguồn thu nhập

Người khuyết tật/người chăm sóc/chủ hộ có được	Có	không	Thông tin chi tiết (tiền và hiện vật)
Thu nhập theo việc làm	☐	☐	
Trợ giúp đột xuất	☐	☐	
Trợ cấp xã hội hàng tháng	☐	☐	
Trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước	☐	☐	
Trợ giúp xã hội từ chương trình khác	☐	☐	

2. Các khoản chi phí

Mức độ thực hiện	Thực hiện được (2đ)	Thực hiện được nhưng cần sự trợ giúp (1đ)	Không thực hiện được (0đ)	Không xác định được (đánh dấu X)
Các hoạt động				
Tiền mua lương thực/thức ăn và sinh hoạt				
Tiền đóng học phí đúng hạn				
Tiền khám và điều trị sức khỏe				
Tiền thanh toán các khoản phải trả khác				
Tổng điểm				

Đánh giá a) Có khả năng (> 7đ) ☐ b) Có khả năng một phần (4đ - 6đ) ☐ c) Không có khả năng (☐ 3đ) ☐

Nhận xét khả năng giải quyết các khoản chi phí phát sinh dựa vào nguồn thu nhập của gia đình: (*Ưu tiên xem xét các khoản chi liên quan đến người khuyết tật*)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Tiếp cận cơ sở vật chất

Mức độ thực hiện	Tốt (2đ)	Trung bình (1đ)	kém (0đ)	Không xác định được (đánh dấu X)
Các hoạt động				
Thiết kế/bố trí/sắp xếp Trường, lớp, vật dụng có phù hợp với điều kiện di chuyển của người khuyết tật				
Người khuyết tật có thể tiếp cận và sử dụng được nhà vệ sinh				
Mức độ an toàn của trường mà người khuyết tật đang học				
Tổng điểm				
Đánh giá: a) Có phù hợp (>8đ) ☐ b) Có phù hợp một phần (4đ-7đ) ☐ c) Không phù hợp (☐ 3đ) ☐				
Nhận xét khả năng tiếp cận:				
Tham khảo thêm checklist đánh giá tiếp cận của dự án				

II. TÌNH TRẠNG SỨC KHOẺ

Đánh giá: a) Ổn định ☐ b) Có vấn đề ☐ c) Nguy cơ cao ☐ d) Không xác định ☐
Mô tả cụ thể biểu hiện bệnh và nguyên nhân (nếu xác nhận tại điểm b/ điểm c/ điểm d, đề nghị giải thích thêm): ☐ ☐ ☐

III. HỌC TẬP

Đánh giá khả năng học tập liên quan đến đặc điểm từng dạng tật

Mức độ thực hiện	Thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự trợ giúp	Không thực hiện được	Không xác định được (đánh dấu X)
Các hoạt động				
Có khả năng nhìn				
Có khả năng nghe, nói				
Có khả năng viết				
Có khả năng di chuyển đến trường, lớp học				
Nhận xét khả năng học của người khuyết tật:				
.....				

IV. MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

1. Người khuyết tật có người chăm sóc riêng: a. Có ☐ b. Không ☐

2. Người có vai trò ra quyết định trong gia đình:

a. Bố b. Mẹ c. Ông d. Bà đ. Khác:

3. Thái độ của thành viên gia đình với người khuyết tật

a. Quan tâm b. Bình thường c. Không quan tâm

4. Sự hỗ trợ và mối quan hệ các thành viên gia đình và cộng đồng đối với người khuyết tật

STT	Đối tượng hỗ trợ người khuyết tật	Xác định đối tượng hỗ trợ người khuyết tật	Mô tả mức độ hỗ trợ người khuyết tật	Mô tả những công việc hỗ trợ người khuyết tật
1	Vợ/chồng			
2	Cha/mẹ			
3	Anh/chị/em			
4	Ông/Bà			
5	Họ hàng			
6	Bạn bè, hàng xóm			

7	Nhân viên công tác xã hội			
8	Các tổ chức, đoàn thể xã hội			
9	Giáo viên của trường học			
10	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng			
11	Cán bộ y tế			
12	Người chăm sóc			
13	Những người khác			

Nhận xét mối quan hệ tích cực và mối quan hệ cần cải thiện liên quan đến người khuyết tật:

.....

.....

.....

.....

.....

V. CÁC KỸ NĂNG SỐNG

Mức độ thực hiện	Thực hiện được (kể cả có dụng cụ hỗ trợ) (2đ)	Thực hiện được nhưng cần sự trợ giúp của người khác (1đ)	Không thực hiện được (0đ)	Không xác định được (đánh dấu X)
Các hoạt động				
1. Đi lại /di chuyển				
2. Ăn/uống				
3. Vệ sinh cá nhân				
4. Phục vụ sinh hoạt cá nhân				
5. Tham gia các công việc gia đình				
6. Nghe và hiểu người khác				
7. Diễn đạt mong muốn				
8. Khả năng học tập				
Tổng điểm				

Đánh giá: a) Sống độc lập (>15 đ) ☐ b) Cần hỗ trợ (7đ-14đ) ☐ c) Phụ thuộc (<6đ) ☐

Nhận xét những nét chính ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp và sinh hoạt hàng ngày của người khuyết tật:

.....

.....

VI. THAM GIA, HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG

Người khuyết tật từ 16 tuổi trở lên

Mức độ tham gia	Thường xuyên (2đ)	Thỉnh thoảng (1đ)	Không bao giờ (0đ)	Không xác định (Đánh dấu X)
Nội dung đánh giá				
Tham gia các sinh hoạt trong gia đình				
Tham gia các sinh hoạt cùng gia đình tại cộng đồng và xã hội				
Kết bạn và sinh hoạt với bạn bè thân hữu				
Đi học tại các trường học				
Tham gia hoạt động tập thể, sinh hoạt cộng đồng				
Tham gia môn thể thao, nghệ thuật yêu thích				
Tổng điểm				
Đánh giá: a) Tham gia tốt (≥ 10đ) ☐ b) Hạn chế (5đ - 9đ) ☐ c) Không có cơ hội (☐ 4đ) ☐				
Nhận xét sự tham gia của người khuyết tật:				
.....				

VII. TÂM LÝ, TÌNH CẢM

TT	Nội dung đánh giá	Người khuyết tật		Người chăm sóc	
		Có	Không	Có	Không
1	Tinh thần lạc quan, sống có mục đích	☐	☐	☐	☐
2	Hòa đồng, quan tâm và giúp đỡ người khác	☐	☐	☐	☐
3	Mất ngủ hoặc ngủ triền miên	☐	☐	☐	☐
4	Nóng nảy hoặc trở nên chậm chạp	☐	☐	☐	☐
5	Mệt mỏi hoặc mất sức kéo dài	☐	☐	☐	☐
6	Cảm giác mình vô dụng, vô giá trị	☐	☐	☐	☐
7	Giảm khả năng tập trung	☐	☐	☐	☐
8	Hay nghĩ đến cái chết, có ý định hoặc hành vi tự sát	☐	☐	☐	☐
9	Những vấn đề khó khăn khác	☐	☐	☐	☐
Nhận xét những nét chính ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến đời sống người khuyết tật:					

VIII. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

TT	Lĩnh vực đánh giá	Những vấn đề đã được xác định	Những điểm mạnh của người khuyết tật	Nhu cầu của người khuyết tật	Tham vấn ý kiến chuyên môn	Ưu tiên
1	Hỗ trợ tài chính					
2	Chăm sóc sức khỏe và y tế					
3	Học tập					
4	Mối quan hệ gia đình và xã hội					
5	Các kỹ năng sống độc lập					
6	Tham gia cộng đồng					
7	Tâm lý và tình cảm					

[illegible]

Người khuyết tật:	Người quản lý:
.....	
Chữ ký:	Chữ ký:
.....	
Ngày thu thập thông tin:	Ngày cung cấp thông tin:
.....	

MẪU SỐ 03**CÁC NGUỒN LỰC HỖ TRỢ**

Stt	Nguồn lực	Hình thức hỗ trợ	Thông tin liên hệ
01	Cá nhân có tay nghề, kỹ năng, kinh nghiệm liên quan đến ngành học của NKT		
02	Các cá nhân có thể hỗ trợ tài chính hoặc có mối quan hệ rộng		
03	Các cá nhân là NKT là tấm gương		
04	Doanh nghiệp có thể hỗ trợ tài chính, nhận thực tập, tuyển dụng		
05	Các tổ chức của và vì NKT		
06	Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể tại địa phương		
07	Các chính sách hỗ trợ NKT		

MẪU SỐ 04

KẾ HOẠCH TRỢ GIÚP NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn về quản lý trường hợp với người khuyết tật)

Tỉnh/Thành phố:

Quận/Huyện:

Xã/Phường:

Họ và tên người khuyết tật:

Mã số người khuyết tật:

I. Mục tiêu cụ thể cần đạt được

TT	Lĩnh vực đánh giá	Mức độ ưu tiên (1, 2, 3)	Mục tiêu cụ thể cần đạt được
1	Hỗ trợ tài chính		
2	Chăm sóc sức khỏe, y tế		
3	Học tập		
4	Mối quan hệ gia đình và xã hội		
5	Các kỹ năng sống		
6	Tham gia, hòa nhập cộng đồng		
7	Tâm lý, tình cảm		
8	Nhu cầu khác		

II. Các hoạt động trợ giúp người khuyết tật

Mục tiêu số	Hoạt động can thiệp, trợ giúp	Thời gian thực hiện	Nguồn lực/kinh phí	Trách nhiệm của tổ chức, gia đình và cá nhân tham gia	Cơ quan/đơn vị, cơ sở thực hiện

III. Các điều kiện hỗ trợ:

.....

.....